

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT ỨNG VIÊN DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2015

TT		Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng	
				Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú
1	Vũ Ngọc An	Nam	1992	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh	Giỏi	8.19	2014	ĐH	IELTS 7.5	GV, BM Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
2	Đỗ Thuận An	Nam	1978	Trường Đại học Xây dựng	Cấp thoát nước - Môi trường nước	Khá	7.65	2000	TS	Học thạc sĩ tại Vương quốc Bỉ, học tiến sĩ tại Nhật Bản	GV, BM Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường	Xét tuyển	Xét tuyển	
3	Phạm Lan Anh	Nữ	1984	Trường Đại học Thủy lợi	Công trình thủy lợi	Giỏi	8.78	2007	ThS	Học thạc sĩ tại Hà Lan	GV, BM Thủy công, Khoa Công trình	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
4	Ngô Thị Thùy Anh	Nữ	1989	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	3.3/4	2011	ThS	Học thạc sĩ tại Vương quốc Anh	GV, BM Công nghệ và QLXD, Khoa Công trình	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
5	Hoàng Thị Mai Anh	Nữ	1984	Trường Đại học Tổng hợp Monash, Australia	Ngân hàng và Tài chính	Giỏi		2007	ĐH	Học ĐH tại Australia	GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
6	Lê Thị Tú Anh	Nữ	1992	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh	Xuất sắc	3.66/4	2014	ThS	Học thạc sĩ tại Cộng hòa Pháp	GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Chuyên ngành không phù hợp
7	Ngô Đỗ Trâm Anh	Nữ	1993	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Tiếng Anh	Xuất sắc	3.67/4	2015	ĐH	IELTS 8.0	GV, BM Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
8	Trần Thị Lê Ánh	Nữ	1990	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán	Giỏi	8.17	2012	ĐH		GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
9	Phạm Nguyệt Ánh	Nữ	1983	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Công nghệ môi trường	Giỏi	8.28	2006	TS	Học thạc sĩ tại Italia, học tiến sĩ tại Nhật Bản	GV, BM Kỹ thuật môi trường, Khoa Môi trường	Xét tuyển	Xét tuyển	
10	Trịnh Vũ Bảo	Nam	1982	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Sư phạm Kỹ thuật Điện	Khá	7.80	2007	ThS		GV, BM Kỹ thuật điện, Khoa Năng lượng	Loại	Loại	Chương trình học đại học không phù hợp
11	Lê Đình Cường	Nam	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.15	2013	ThS		GV, BM Kết cấu công trình, Khoa Công trình	Loại	Loại	Vì ứng viên chưa chấm dứt hợp đồng với Cơ sở 2 và vị trí việc làm này đã có ứng viên xét tuyển
12	Trương Văn Đoàn	Nam	1987	Trường Đại học Giao thông vận tải	Xây dựng Cầu - Đường	Khá	7.71	2010	ThS	IELTS 5.0	GV, môn Công trình giao thông, Cơ sở 2	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	

TT	Họ và tên		Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học				Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng		
					Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn			Ngoại ngữ	Duyệt	Ghi chú
13	Đặng Việt	Đức	Nam	1977	Trường Đại học Giao thông vận tải	Xây dựng cầu hầm	TB Khá	6.92	2000	TS	Học thạc sĩ CHLB Đức, học tiến sĩ tại Nhật Bản	GV, BM Công trình giao thông, Khoa Công trình	Xét tuyển	Xét tuyển	
14	Đặng Ngọc	Duyên	Nam	1993	Trường Đại học Giao thông vận tải	Kỹ thuật cơ khí	Giỏi	3.29/4	2015	ĐH		GV, BM Máy xây dựng, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi	
15	Nguyễn Thị Hải	Duyên	Nữ	1992	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.37	2015	ĐH		GV, BM Cơ học kỹ thuật, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi	
16	Lê Thị	Giang	Nữ	1987	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật luyện kim	Khá	7.80	2011	ThS	Học thạc sĩ tại Hàn Quốc	GV, BM Công nghệ cơ khí, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
17	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	1992	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.47	2015	ĐH		GV, BM Sức bền - Kết cấu, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	
18	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	1991	Trường Đại học Giáo dục ĐHQGHN	Sư phạm Toán	Giỏi	8.09	2014	ĐH		GV, BM Toán học, Khoa Công nghệ thông tin	Loại	Loại	Chưa có bằng thạc sĩ
19	Nguyễn Thanh	Hải	Nam	1992	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật cơ điện tử	Giỏi	8.75	2015	ĐH	IELTS 5.5	GV, BM Công nghệ cơ khí, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
20	Lê Tuấn	Hải	Nam	1983	Trường Đại học Thủy lợi	Công trình thủy lợi	Giỏi	8.00	2007	TS	Học thạc sĩ tại Hà Lan, học tiến sĩ tại Italia	GV, BM Quản lý tổng hợp vùng ven biển, Khoa Kỹ thuật biển	Xét tuyển	Xét tuyển	
21	Đặng Thị	Hằng	Nữ	1991	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh	Giỏi	8.27	2013	ĐH		GV, BM Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Không đạt theo tiêu chuẩn thông báo (IELTS 6.5)
22	Nguyễn Việt	Hành	Nam	1980	Trường Đại học Nông nghiệp 1	Kinh doanh nông nghiệp	TB Khá	6.14	2005	TS	Học thạc sĩ, tiến sĩ tại Hàn Quốc	GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Điểm tốt nghiệp đại học dưới chuẩn
23	Ngô Mỹ	Hạnh	Nữ	1992	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Xuất sắc	3.77/4	2014	ThS	IELTS 7.5 Học thạc sĩ tại Vương quốc Anh	GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
24	Phùng Duy	Hào	Nam	1992	Trường Đại học Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Xuất sắc	3.63/4	2015	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
25	Phạm Thu	Hiền	Nữ	1987	Trường Đại học Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	7.71	2010	ThS	IELTS 6.0 Học thạc sĩ tại Đài Loan	GV, BM Xây dựng dân dụng và CN, Khoa Công trình	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
26	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Khá	7.53	2013	ThS		GV, BM Công nghệ và QLXD, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	
27	Nguyễn Thị Hồng	Hiệp	Nữ	1983	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Công nghệ thông tin	Giỏi	8.51	2006	TS	Học tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp	GV, BM Khoa học máy tính, Khoa Công nghệ thông tin	Xét tuyển	Xét tuyển	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng	
				Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú
28	Nguyễn Thị Hoàn	Nữ	1984	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	Triết học	Khá	7.38	2006	ThS		GV, BM Những NLCB của CNMLN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
29	Phạm Nguyễn Hoàng	Nam	1987	Trường Đại học Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	7.35	2010	TS	Học thạc sĩ, tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp	GV, BM Kết cấu công trình, Khoa Công trình	Xét tuyển	Xét tuyển	
30	Bùi Thị Huệ	Nữ	1985	Trường Đại học Giáo dục ĐHQGHN	Sư phạm Toán	Khá	7.99	2009	ThS		GV, BM Toán học, Khoa Công nghệ thông tin	Được thi	Được thi	
31	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	1992	Trường Đại học Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Khá	7.69	2015	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
32	Lý Ngọc Hùng	Nam	1985	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Công nghệ thông tin	Khá	7.57	2009	ThS		GV, BM Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin	Được thi	Được thi; Miễn thi Tin học	
33	Nguyễn Xuân Hùng	Nam	1985	Trường Đại học Thủy lợi	Công nghệ thông tin	Khá	7.7	2011	ThS		GV, BM Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin	Được thi	Được thi; Miễn thi Tin học	
34	Vũ Đình Hưng	Nam	1991	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	8.17	2013	ĐH	IELTS 7.0	GV, BM Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
35	Lê Thị Hương	Nữ	1988	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật điện	Khá	7.72	2011	ThS	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	GV, BM Kỹ thuật điện, Khoa Năng lượng	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
36	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	1989	Trường Đại học Lao động - Xã hội	Kế toán	Giỏi	8.14	2011	ThS	IELTS 6.0 Học thạc sĩ tại Australia	GV, BM Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Ngành đào tạo không phù hợp
37	Nguyễn Thu Hường	Nữ	1990	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Quản lý xây dựng đô thị	Khá	7.49	2013	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Điểm tốt nghiệp đại học dưới chuẩn
38	Phan Khanh Khánh	Nam	1992	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xuất sắc	3.75/4	2015	ĐH		GV, môn Sức bền - Kết cấu, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
39	Trần Văn Khiêm	Nam	1986	Trường Đại học Thủy lợi	Kinh tế thủy lợi	Khá	7.41	2009	ThS		GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
40	Tạ Văn Khoa	Nam	1990	Trường Đại học TDTT Bắc Ninh	Sư phạm thể dục thể thao	Giỏi	8.19	2012	ĐH		GV, BM Giáo dục thể chất, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
41	Nguyễn Trung Kiên	Nam	1986	Trường Đại học Xây dựng	Cơ sở hạ tầng giao thông	TB Khá	6.71	2009	TS	Học thạc sĩ, tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp	GV, BM Địa kỹ thuật, Khoa Công trình	Loại	Loại	Điểm tốt nghiệp đại học dưới chuẩn
42	Phạm Tiến Kỳ	Nam	1985	Trường Đại học Thủy lợi	Công trình thủy lợi	Giỏi	8.56	2009	ThS		GV, BM Sức bền - Kết cấu, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	

TT	Họ và tên		Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng	
					Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú
43	Nguyễn Văn	Lập	Nam	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật cơ khí	Giỏi	3.27	2013	ThS		GV, BM Đồ họa kỹ thuật, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi	
44	Trương Thị Tiểu	Lê	Nữ	1993	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế quốc tế	Xuất sắc	3.62/4	2015	ĐH		GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
45	Nguyễn Công	Linh	Nam	1992	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	8.15	2015	ĐH		GV, BM Kỹ thuật điện, Khoa Năng lượng	Được thi	Được thi	
46	Trịnh Thị Thanh	Loan	Nữ	1989	Học viện Tài chính	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	8.07	2011	ThS		GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
47	Trịnh Ngọc	Long	Nam	1989	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Kỹ thuật cơ khí	Khá	7.64	2012	ThS		GV, BM Máy xây dựng, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi	
48	Nguyễn Vũ	Luật	Nam	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Xuất sắc	9.06	2015	ĐH		GV, môn Địa kỹ thuật, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
49	Nguyễn Đình	Lực	Nam	1988	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	Giỏi	8.15	2014	ĐH		GV, BM Trắc địa, Trung tâm Địa tin học	Được thi	Được thi	
50	Trương Quang	Mạnh	Nam	1992	Trường Đại học Giao thông vận tải	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Xuất sắc	3.67/4	2014	ĐH	IELTS 5.5	GV, BM Sức bền - Kết cấu, Khoa Công trình	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
51	Lương Xuân	Mạnh	Nam	1987	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Điện khí hóa	Khá	7.59	2011	ThS		GV, BM Kỹ thuật điện, Khoa Năng lượng	Được thi	Được thi	
52	Nguyễn Phương	Mạnh	Nam	1992	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Xuất sắc	3.62/4	2014	ĐH	IELTS 7.5	GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	Đã hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ tại Vương quốc Anh, đang đợi cấp bằng
53	Phạm Vũ	Nam	Nam	1989	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật cơ khí	Giỏi	3.38/4	2011	ĐH	IELTS 5.0	GV, BM Máy xây dựng, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
54	Lê Thị Thanh	Nga	Nữ	1991	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.49	2015	ĐH		GV, môn Sức bền - Kết cấu, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
55	Đình Thu	Nga	Nữ	1990	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Kiến trúc công trình	Khá	2.73/4	2013	ĐH	IELTS 5.0	GV, BM Đồ họa kỹ thuật, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
56	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	Nữ	1992	Học viện Tài chính	Kế toán	Giỏi	8.38	2015	ĐH		GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
57	Nguyễn Hồng	Nga	Nữ	1983	Trường Đại học Hà Nội	Tiếng Anh	Khá	7.59	2005	ThS	Học thạc sĩ tại Australia	GV, BM Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
58	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	1989	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khá	3.00/4	2011	ThS	Toefl ITP 497	GV, BM Tư tưởng HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	

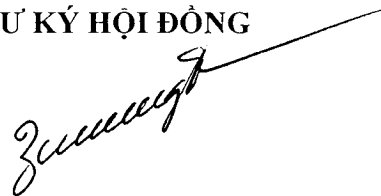
TT	Họ và tên		Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng	
					Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú
59	Đỗ Tuấn	Nghĩa	Nam	1985	Trường Đại học Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Khá	7.65	2008	TS	Học thạc sĩ, tiến sĩ tại Đài Loan	GV, BM Địa kỹ thuật, Khoa Công trình	Xét tuyển	Xét tuyển	
60	Lê Hồng	Phương	Nam	1986	Trường Đại học Thủy lợi	Công trình thủy lợi	Giỏi	8.07	2009	ThS		GV, BM Thủy công, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	
61	Nguyễn Hằng	Phương	Nữ	1989	Học viện Kỹ thuật Quân sự	Kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	8.72	2012	ThS		GV, BM Kỹ thuật máy tính và Mạng, Khoa Công nghệ thông tin	Được thi	Được thi; Miễn thi Tin học	
62	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	1989	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo dục chính trị	Khá	7.98	2012	ThS		GV, BM Những nguyên lý cơ bản của CNMLN, Khoa Lý luận chính trị	Loại	Loại	Chuyên ngành không phù hợp
63	Trương Quốc	Quân	Nam	1984	Trường Đại học Giao thông vận tải	Xây dựng cầu đường bộ	Giỏi	8.41	2008	TS	Học thạc sĩ, tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp	GV, BM Công trình giao thông, Khoa Công trình	Xét tuyển	Xét tuyển	
64	Nguyễn Gia	Quân	Nam	1986	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật điện	Khá	7.93	2009	ThS	Học thạc sĩ tại Hàn Quốc	GV, BM Kỹ thuật điện, Khoa Năng lượng	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
65	Nguyễn Như	Quảng	Nam	1989	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo dục chính trị	Khá	7.71	2011	ĐH		GV, BM TT HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
66	Hoàng Như	Quyết	Nam	1989	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.09	2013	ĐH		GV, môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
67	Hoàng Như	Quỳnh	Nữ	1991	Trường Đại học Tổng hợp Quản lý Quốc Gia, LB Nga	Kinh tế			2015	ĐH	Học ĐH tại LB Nga	GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
68	Nguyễn Vĩnh	Sáng	Nam	1989	Trường Đại học Xây dựng	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	Giỏi	3.21/4	2012	ĐH		GV, môn Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
69	Nguyễn Thị	Sáu	Nữ	1983	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Triết học	Giỏi	8.39	2008	ThS		GV, BM Những nguyên lý cơ bản của CNMLN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
70	Nguyễn Văn	Son	Nam	1993	Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	8.46	2015	ĐH	IELTS 7.0	GV, BM Tiếng Anh, Trung tâm Đào tạo quốc tế	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
71	Thái Ngọc	Thắng	Nam	1992	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Quản lý xây dựng đô thị	Giỏi	8.18	2015	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
72	Nguyễn Thị	Thanh	Nữ	1992	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Chính trị học	Khá	3.13/4	2014	ĐH		GV, BM Tư tưởng HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng		
				Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú	
73	Phạm Văn	Thành	Nam	1992	Trường Đại học Giao thông vận tải	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	3.2/4	2015	ĐH		GV, BM Sức bền - Kết cấu, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	
74	Ngô Thị	Thảo	Nữ	1986	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn	Triết học	Khá	7.66	2008	ThS		GV, BM Những NLCB của CNMLN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
75	Triệu Thị Minh	Thu	Nữ	1985	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Cơ điện tử	Khá	7.30	2010	ThS	Học thạc sĩ tại Đài Loan	GV, BM Công nghệ cơ khí, Khoa Cơ khí	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
76	Đoàn Thị	Thúy	Nữ	1990	Trường Đại học Vinh	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	8.17	2012	ThS		GV, BM TT HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Loại	Loại	Trường đào tạo và chuyên ngành không phù hợp
77	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	1992	Trường Đại học Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Xuất sắc	3.75/4	2015	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
78	Nguyễn Thị	Thúy	Nữ	1988	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Kế toán	Giỏi	8.40	2010	ĐH		GV, BM Kế toán, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
79	Hoàng Minh	Tiến	Nam	1988	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Y sinh học thể dục thể thao	Khá	7.60	2011	ĐH		GV, BM Giáo dục thể chất, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
80	Ngọc Thị	Tinh	Nữ	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giỏi	8.24	2013	ThS		GV, BM Công nghệ và QLXD, Khoa Công trình	Được thi	Được thi	
81	Nguyễn Văn	Toàn	Nam	1991	Trường Đại học Xây dựng	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Giỏi	3.20/4	2014	ĐH		GV, môn Công trình giao thông, Cơ sở 2	Được thi	Được thi	
82	Phạm Hương	Trà	Nữ	1993	Trường Đại học Ngoại Thương	Kinh tế đối ngoại	Giỏi	8.57	2014	ThS	IELTS 7.0 Học thạc sĩ tại Vương quốc Anh	GV, BM Kinh tế, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
83	Trần Thị Kiều	Trang	Nữ	1992	Trường Đại học Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Xuất sắc	3.66/4	2015	ĐH	IELTS 6.0	GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi; Miễn thi T.Anh	
84	Nguyễn Thơ	Trang	Nữ	1991	Trường Đại học Xây dựng	Kinh tế xây dựng	Giỏi	3.22/4	2015	ĐH		GV, BM Quản lý xây dựng, Khoa Kinh tế và quản lý	Được thi	Được thi	
85	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	1986	Trường Đại học Kinh tế ĐHQGHN	Quản trị kinh doanh	Giỏi	8.06	2011	ThS		GV, BM Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế và quản lý	Loại	Loại	Không đạt theo tiêu chuẩn thông báo (IELTS 6.5)
86	Trần Thị Hà	Trang	Nữ	1986	Trường Đại học Giao thông vận tải	Kỹ thuật viễn thông	Giỏi	8.33	2009	ThS	Học ThS tại Vương quốc Anh	GV, BM Kỹ thuật máy tính và Mạng, Khoa Công nghệ thông tin	Được thi	Được thi; Miễn thi Tin học, T.Anh	Có bằng trung cấp Công nghệ thông tin
87	Nguyễn Linh	Trang	Nữ	1992	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	Giáo dục chính trị	Khá	7.79	2014	ĐH		GV, BM TT HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Ý kiến của Khoa, BM	Xét duyệt của Hội đồng	
				Nơi đào tạo	Ngành	Loại TN	ĐTB	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			Duyệt	Ghi chú
88	Nguyễn Thị Trang	Nữ	1993	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Chính trị học	Giỏi	3.28/4	2015	ĐH		GV, BM TT HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
89	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	1988	Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh	Huấn luyện thể thao	Khá	7.49	2011	ĐH		GV, BM Giáo dục thể chất, Khoa Lý luận chính trị	Được thi	Được thi	
90	Nguyễn Cẩm Vân	Nữ	1986	Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Trắc địa	Giỏi	8.02	2010	ThS		GV, BM Trắc địa, Trung tâm Địa tin học	Được thi	Được thi	
91	Ngô Thị Vinh	Nữ	1991	Học viện Báo chí và tuyên truyền	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Khá	7.53	2013	ĐH		GV, BM TT HCM và ĐLCM của ĐCSVN, Khoa Lý luận chính trị	Loại	Loại	Trường đào tạo không phù hợp

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2015

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG



Nguyễn Quang Phi



HIỆU TRƯỞNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GS. TS Nguyễn Quang Kim